

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2021

“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Thanh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

2. Ông Phạm Công Định.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phạm Thị Thùy  
- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2021, về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1984.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn Xuân Cầu, xã Lạc Long, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn Xuân Cầu, xã Lạc Long, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, anh Nguyễn Văn H trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Phạm Thị L được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 18 tháng 3 năm 2004 tại UBND xã Lạc Long, huyện

Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống dẫn đến to tiếng, cãi nhau; vợ chồng không nói chuyện, không chia sẻ được với nhau, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau. Năm 2014, do mâu thuẫn ngày càng lớn, chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ cùng hai con. Đến năm 2015, chị L đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vợ chồng không còn liên lạc với nhau và ly thân từ đó đến nay. Anh H xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Phạm Thị L.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh H, chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 03/8/2005 và cháu Nguyễn Tuấn Q, sinh ngày 08/11/2012 đang ở cùng với bà ngoại tại xã L, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Khi ly hôn, để đảm bảo cuộc sống ổn định của các con, anh H đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho chị L nuôi dưỡng do các cháu đang sinh sống ổn định cùng với ông bà ngoại cháu. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh H và chị L sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

*\* Theo đơn trình bày và đề nghị ngày 21/5/2021, chị L trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh H là vợ chồng, kết hôn với nhau trên cơ sở tình cảm và tự nguyện. Anh chị chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ sự khác biệt về tính tình, quan điểm sống, cách nhìn nhận, xử lý các vấn đề phát sinh từ đời sống gia đình. Theo thời gian, các mâu thuẫn ngày càng lớn khiến vợ chồng nảy sinh nhiều cãi vã, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự tôn trọng giữa hai người dành cho nhau. Nhận thấy cuộc sống gia đình quá căng thẳng nên cuối năm 2014, chị đã đưa 02 con về nhà mẹ đẻ (là bà Nguyễn Thị T) sinh sống. Do kinh tế gặp nhiều khó khăn nên đến năm 2015, chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, để lại 02 con cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc. Từ khi ly thân đến nay, chị và anh H không còn liên lạc và không quan tâm đến nhau. Cách đây hơn 01 tháng, anh H liên hệ với chị trao đổi muốn ly hôn. Chị nhất trí ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống mới. Tuy nhiên do điều kiện ở xa, kinh tế lại khó khăn do dịch bệnh nên chị không thể về nước nên chị đề nghị anh H chủ động làm đơn gửi Tòa án. Hiện nay chị đang cư trú tại Nhật Bản và vẫn có thu nhập gửi về Việt Nam nuôi con. Chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị và giao các văn bản tố tụng cho mẹ chị là bà T nhận thay.

- Về con chung: Chị L xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Tiến M, sinh ngày 03/8/2005 và cháu Nguyễn Tuấn Q, sinh ngày 08/11/2012, hai cháu ở cùng mẹ chị (là bà Nguyễn Thị T) từ cuối năm 2014 đến nay, hằng ngày do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay vợ chồng ly hôn, để đảm bảo cuộc sống ổn định của các con, chị L đề nghị Tòa án tiếp tục giao con cho chị nuôi dưỡng, bà T sẽ hỗ trợ chị chăm sóc, nuôi dưỡng các con cho đến khi chị về nước. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Chị L xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của chị Phạm Thị L. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2021 và 14/6/2021 của bà T, bà T xác định: Chị L và anh H được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 18 tháng 3 năm 2004 tại UBND xã Lạc Long, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Hiện nay, chị L đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản. Chị L đã được bà thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án gửi. Sau khi được bà thông báo, chị L thông tin lại và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị L nhất trí đồng ý ly hôn anh H. Về con chung, chị L và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 03/8/2005 và cháu Nguyễn Tuấn Q, sinh ngày 08/11/2012. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu và vấn đề cấp dưỡng chị L, anh H sẽ tự thỏa thuận với nhau. Chị L chưa về nước được, bà sẽ là người hỗ trợ chị L chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đến khi chị L về nước.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 12263/QLXNC-P5 ngày 21/5/2021 thể hiện: Chị Phạm Thị L, sinh ngày 20/01/1984 tại Hải Dương, CMND số: 1142047666, khai địa chỉ tại: Lạc Long, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần (05 lượt) bằng hộ chiếu số C0491260, lần cuối xuất cảnh ngày 30/12/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Phạm Thị L; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến M và Nguyễn Tuấn Q cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Phạm Thị L, là người Việt Nam có hộ khẩu thường trú tại Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, anh H, chị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị L được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 18 tháng 3 năm 2004 tại UBND xã Lạc Long, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không chia sẻ được với nhau dẫn đến to tiếng, cãi nhau. Năm 2014, do mâu thuẫn ngày càng lớn, chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ cùng hai con để sinh sống. Đến năm 2015, chị L đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Nếu liên lạc thì vợ chồng không nói chuyện mà chỉ hỏi thăm sức khỏe các con, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau. Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa anh H, chị L cũng được gia đình chị L xác nhận. HĐXX xét thấy, hôn nhân của anh H và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mỗi người ở một nước khác nhau, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh H ly hôn với chị L là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng anh H và chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 03/8/2005 và cháu Nguyễn Tuấn Q, sinh ngày 08/11/2012. Hiện nay, cháu M và cháu Q đang do bà ngoại là bà

Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh H và chị L cùng đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho chị L nuôi dưỡng do các cháu đang sinh sống ổn định cùng với ông bà ngoại. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh H và chị L sẽ tự thỏa thuận với nhau.

Bà T là mẹ đẻ của chị L đang trực tiếp chăm sóc cháu Nguyễn Tiến M và cháu Nguyễn Tuấn Q xác định trong thời gian chị L ở nước ngoài, bà T sẽ thay chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q và cháu M. Xét thấy, việc giao cháu M và cháu Q cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế nhiều năm nay; phù hợp với nguyện vọng của các đương sự; căn cứ các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX giao cháu Nguyễn Tiến M và Nguyễn Tuấn Q cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian chị L ở nước ngoài, bà T sẽ thay chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và cháu Q.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh H và chị L không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H. Xử cho anh Nguyễn Văn H ly hôn chị Phạm Thị L.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 03/8/2005 và cháu Nguyễn Tuấn Q, sinh ngày 08/11/2012 đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Tạm giao cháu Nguyễn Tiến M và Nguyễn Tuấn Q cho bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ chị L) nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian chị L ở nước ngoài. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2018/0005993 ngày 12/5/2021. Anh H đã nộp đủ án phí.

**4. Về quyền kháng cáo:** Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Lạc Long, huyện Kinh Môn ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thanh Tuấn**